

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023**

---

**Tháng 08 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 31

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Ông Tạ Văn Sơn	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Hữu Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số: 275 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính giữa niên độ”).

### *Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy, không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Chữ Mạnh Hoan**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.219.800.100</b>	<b>62.006.387.560</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>10.370.476.808</b>	<b>9.621.441.686</b>
1. Tiền	111		10.370.476.808	9.621.441.686
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.478.078.763</b>	<b>21.205.101.951</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	15.483.542.328	24.248.653.686
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.015.463.565)	(3.043.551.735)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.690.544.100</b>	<b>18.689.629.514</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.075.023.869	10.031.763.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.402.854.091	3.553.686.603
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	100.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.562.805.916	5.454.319.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(450.139.776)	(450.139.776)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>11.206.707.027</b>	<b>9.821.541.911</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.392.799.386	10.007.634.270
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(186.092.359)	(186.092.359)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.473.993.402</b>	<b>2.668.672.498</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.473.993.402	2.625.967.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	36.469.546
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	-	6.235.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>66.897.276.942</b>	<b>60.378.721.062</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.535.135.413</b>	<b>46.414.274.836</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	46.869.941.538	45.639.580.943
- Nguyên giá	222		115.574.692.000	111.124.122.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.704.750.462)	(65.484.541.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	665.193.875	774.693.893
- Nguyên giá	228		1.095.000.000	1.095.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(429.806.125)	(320.306.107)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>2.897.213.508</b>	<b>4.830.129.116</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.897.213.508	4.830.129.116
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>3.797.121.190</b>	<b>3.695.706.467</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(202.878.810)	(304.293.533)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.667.806.831</b>	<b>5.438.610.643</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.667.806.831	5.438.610.643
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>129.117.077.042</b>	<b>122.385.108.622</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.695.414.590</b>	<b>27.346.133.111</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.664.602.111</b>	<b>27.346.133.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	5.800.290.405	6.207.325.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		614.512.892	164.068.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.102.002.970	1.366.566.814
4. Phải trả người lao động	314		826.264.391	669.244.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.541.268.517	2.729.723.674
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	97.195.752
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.330.826.142	3.163.944.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	14.964.362.767	11.850.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.485.074.027	1.098.063.792
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.812.479</b>	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		30.812.479	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>96.421.662.452</b>	<b>95.038.975.511</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>96.421.662.452</b>	<b>95.038.975.511</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.222.580.000	64.222.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.222.580.000	64.222.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.977.855.258	29.595.168.317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.029.563.757	400.752.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.948.291.501	29.194.415.561
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>129.117.077.042</b>	<b>122.385.108.622</b>

Trần Thị Ngọc Mai  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		336.971.489.023	286.476.141.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	336.971.489.023	286.476.141.593
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	311.712.419.364	263.427.254.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.259.069.659	23.048.886.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	173.036.095	986.235.560
7. Chi phí tài chính	22	26	(1.681.998.547)	391.799.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		447.504.346	382.703.101
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.285.938.127	7.746.438.272
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		17.828.166.174	15.896.884.757
10. Thu nhập khác	31		178.850.823	1.947.724
11. Chi phí khác	32		337.775.851	4.597.794
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(158.925.028)	2.650.070
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.669.241.146	15.894.234.687
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.690.137.166	3.259.763.187
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	30.812.479	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.948.291.501	12.634.471.500
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.172	2.459

Trần Thị Ngọc Mai  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.669.241.146	15.894.234.687
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.329.708.761	2.772.788.117
- Các khoản dự phòng	03	(2.129.502.893)	195.188.577
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(173.036.095)	(600.435.560)
- Chi phí lãi vay	06	447.504.346	382.703.101
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.143.915.265	18.644.478.922
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(2.470.603.970)	(6.213.944.207)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(1.385.165.116)	(1.701.149.471)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(162.517.920)	(879.715.958)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(8.077.221.638)	(2.277.571.849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	8.765.111.358	(15.096.547.253)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(423.917.192)	(356.815.353)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.637.002.025)	(3.673.043.152)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.545.119.950)	(2.304.745.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.207.478.812	13.859.053.716
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.005.259.800)	(7.327.777.608)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000)	(22.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	27.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.840.343	823.586.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.939.419.457)	(1.504.191.363)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.320.057.974	30.150.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.205.695.207)	(30.220.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.633.387.000)	(7.706.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.519.024.233)	(7.776.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	749.035.122	23.140.020.079
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.621.441.686	26.090.428.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.370.476.808	2.950.408.273



Trần Thị Ngọc Mai  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2023



Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



  
Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 15 số 0200155561 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 20 tháng 8 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Công ty là 64.222.580.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 154 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 147 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, Công ty liên kết của Công ty như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
<b>I Chi nhánh phụ thuộc</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Hạ Long	Ki-ốt C238, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện; Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hải Dương	Tầng 3 Tòa nhà Minh Anh Plaza, Số 76-80 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương mại Du lịch Văn Giang, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Truyền tải và phân phối điện
<b>II Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (i)	Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Ghi chú: (i) Đầu tư vào Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 40%. (Chi tiết tại Thuyết minh số 16).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ: Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là Báo cáo tài chính giữa niên độ giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét. Các thông tin tài chính nêu trên so sánh được với báo cáo tài chính kỳ này.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2023.

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, nên Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ hoạt động toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, các loại vật tư xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ đo xa, Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 06 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Quỹ đầu tư phát triển:* Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, được ghi nhận theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Tiền mặt	343.144.063	327.442.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.432.332.745	9.293.999.491
Tiền đang chuyển	595.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.370.476.808</b>	<b>9.621.441.686</b>

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Cổ phiếu</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>(1.015.463.565)</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>(3.043.551.735)</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Mã CP: CTG	5.596.857.253	-	5.596.857.253	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Mã CP: VCG	9.886.685.075	(1.015.463.565)	9.886.685.075	(3.043.551.735)
<b>b) Trái phiếu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.765.111.358</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản HANO-	-	-	5.843.407.572	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hân	-	-	2.921.703.786	-
<b>Cộng</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>(1.015.463.565)</b>	<b>24.248.653.686</b>	<b>(3.043.551.735)</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Xí nghiệp Điện Nông thôn	6.017.286.347	5.509.709.051
Chi nhánh Điện Ecopark Hưng Yên	5.108.641.144	2.144.127.659
Công ty CP Đầu tư và PT Đô thị Việt Hưng	373.194.565	708.873.125
Các đối tượng khác	1.575.901.813	1.669.053.455
<b>Cộng</b>	<b>13.075.023.869</b>	<b>10.031.763.290</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Bách Việt	1.869.301.478	2.231.888.821
Công ty TNHH Vận tải TM Thành Tiến	272.306.667	314.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản trị doanh nghiệp	161.250.000	427.620.000
Các đối tượng khác	1.099.995.946	579.977.782
<b>Cộng</b>	<b>3.402.854.091</b>	<b>3.553.686.603</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải (i)	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

Ghi chú:

(i) Theo đề nghị vay ngày 31 tháng 8 năm 2020, số tiền vay là 100.000.000 VND, lãi suất vay 7%/năm.

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>6.562.805.916</i>	<i>143.541.776</i>	<i>5.454.319.397</i>	<i>143.541.776</i>
Tạm ứng	5.885.916.564	-	4.860.973.323	-
Khoản ký quỹ, ký cược	201.704.750	-	201.704.750	-
Phải thu khác	475.184.602	143.541.776	391.641.324	143.541.776
Lãi cho vay phải thu	340.568.296	143.541.776	340.568.296	143.541.776
Phải thu khác	134.616.306	-	51.073.028	-

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải - Tiền lãi vay	143.541.776	143.541.776
Ông Trần Ngọc Hải - Công trình Tam Đa	306.598.000	306.598.000
<b>Cộng</b>	<b>450.139.776</b>	<b>450.139.776</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.704.291.433	(186.092.359)	6.563.386.056	(186.092.359)
Công cụ dụng cụ	209.577.941	-	144.347.193	-
Chi phí SXKD dở dang	3.478.930.012	-	3.299.901.021	-
<b>Cộng</b>	<b>11.392.799.386</b>	<b>(186.092.359)</b>	<b>10.007.634.270</b>	<b>(186.092.359)</b>

Ghi chú:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các công trình xây dựng đang thực hiện, số dư cuối kỳ chủ yếu của công trình đường bao phía Đông Nam Quận Hải An.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.473.993.402</b>	<b>2.625.967.952</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	417.471.925	626.314.964
Chi phí bảo hiểm	49.122.776	45.750.664
Chi phí sửa chữa	-	171.847.922
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.007.398.701	1.782.054.402
<b>Dài hạn</b>	<b>12.667.806.831</b>	<b>5.438.610.643</b>
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	-	43.636.361
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.857.025.188	5.259.695.033
Chi phí sửa chữa tại 34 Thiên Lôi	1.457.796.070	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	352.985.573	135.279.249
<b>Cộng</b>	<b>16.141.800.233</b>	<b>8.064.578.595</b>

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	15.036.660.588	88.299.775.826	7.617.433.998	170.252.250	111.124.122.662
Mua trong kỳ	-	967.023.741	-	-	967.023.741
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.483.545.597	-	-	3.483.545.597
Số cuối kỳ	<b>15.036.660.588</b>	<b>92.750.345.164</b>	<b>7.617.433.998</b>	<b>170.252.250</b>	<b>115.574.692.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu kỳ	4.344.565.635	57.486.638.218	3.483.085.616	170.252.250	65.484.541.719
Khấu hao trong kỳ	489.321.138	2.368.394.767	362.492.838	-	3.220.208.743
Số cuối kỳ	<b>4.833.886.773</b>	<b>59.855.032.985</b>	<b>3.845.578.454</b>	<b>170.252.250</b>	<b>68.704.750.462</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu kỳ	<b>10.692.094.953</b>	<b>30.813.137.608</b>	<b>4.134.348.382</b>	<b>-</b>	<b>45.639.580.943</b>
Số cuối kỳ	<b>10.202.773.815</b>	<b>32.895.312.179</b>	<b>3.771.855.544</b>	<b>-</b>	<b>46.869.941.538</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30.6.2023 là 42.304.221.936 VND (tại ngày 1.1.2023 là 41.123.239.853 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu kỳ	1.095.000.000	1.095.000.000
Số cuối kỳ	1.095.000.000	1.095.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu kỳ	320.306.107	320.306.107
Khấu hao trong kỳ	109.500.018	109.500.018
Số cuối kỳ	429.806.125	429.806.125
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu kỳ	774.693.893	774.693.893
Số cuối kỳ	665.193.875	665.193.875

**15. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công trình điện An Đồng	623.605.551	659.638.461
Công trình điện tại 3 xã An Dương	998.696.806	333.734.769
Công trình điện tại Vĩnh Bảo	700.051.043	2.008.933.981
Công trình điện tại 3 xã Thùý Nguyên	574.860.108	330.645.835
Công trình dự án 34 Thiên Lôi	-	1.457.796.070
Hệ thống công tơ điện tử định kỳ	-	39.380.000
<b>Cộng</b>	<b>2.897.213.508</b>	<b>4.830.129.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá,  
Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	<b>4.000.000.000</b>	<b>202.878.810</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>304.293.533</b>	-
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	4.000.000.000	202.878.810	(*)	4.000.000.000	304.293.533	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>202.878.810</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>304.293.533</b>	

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5702012647 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh, sửa đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 01 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng đăng ký góp 4.000.000.000 VND (chiếm 40% vốn điều lệ). Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký nói trên.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long có địa chỉ đăng ký tại Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long là: Truyền tải và phân phối điện và khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trong kỳ, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường với các dịch vụ cung cấp điện, nước. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, Công ty liên kết có khoản lỗ lũy kế là 507.203.024 VND (Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 760.739.832 VND).

**Ghi chú:**

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần ĐT và Tư vấn Xây lắp Hải Sơn - Công trình: Đường bao phía Đông Nam Quận Hải An	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000
Công ty Điện lực Hưng Yên - TCT Điện lực miền Bắc	882.268.334	882.268.334	1.296.158.153	1.296.158.153
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây lắp điện Khánh Duy Tân	611.806.435	611.806.435	28.976.750	28.976.750
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ TM Hữu Huỳnh	388.259.733	388.259.733	447.992.000	447.992.000
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Hải Phòng	88.332.906	88.332.906	468.639.688	468.639.688
Các đối tượng khác	1.979.622.997	1.979.622.997	2.115.558.883	2.115.558.883
<b>Cộng</b>	<b>5.800.290.405</b>	<b>5.800.290.405</b>	<b>6.207.325.474</b>	<b>6.207.325.474</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	84.627.130	3.279.938.579	2.568.545.666	796.020.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.161.844.893	3.690.137.166	2.637.002.025	2.214.980.034
Thuế thu nhập cá nhân	120.094.791	1.171.969.304	1.208.670.202	83.393.893
Tiền thuế đất	-	245.171.900	245.171.900	-
Các loại thuế khác	-	19.844.000	12.235.000	7.609.000
<b>Cộng</b>	<b>1.366.566.814</b>	<b>8.407.060.949</b>	<b>6.671.624.793</b>	<b>3.102.002.970</b>
<b>Phải thu</b>				
Các loại thuế khác	6.235.000	6.235.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.235.000</b>	<b>6.235.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ	1.493.725.180	2.316.852.513
Các khoản khác	47.543.337	412.871.161
<b>Cộng</b>	<b>1.541.268.517</b>	<b>2.729.723.674</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng công trình cấp điện, nước, thiết bị dự án đường bao Đông Nam Quận Hải An	1.887.698.148	1.887.698.148
Các khoản phải trả khác	1.443.127.994	1.276.246.696
<b>Cộng</b>	<b>3.330.826.142</b>	<b>3.163.944.844</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG**Số 34 đường Thiên Lôi, phường Nghĩa Xá,  
Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	7.000.000.000	7.000.000.000	30.000.000.000	27.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	2.003.561.538	2.003.561.538	-	2.003.561.538	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	4.060.801.229	4.060.801.229	2.055.695.207	6.116.496.436	-	-
Bà Nguyễn Thị Lý (iv)	200.000.000	200.000.000	150.000.000	200.000.000	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Điện nước Hạ Long (v)	1.700.000.000	1.700.000.000			1.700.000.000	1.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.964.362.767</b>	<b>14.964.362.767</b>	<b>32.205.695.207</b>	<b>35.320.057.974</b>	<b>11.850.000.000</b>	<b>11.850.000.000</b>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/202969/HĐTĐ ký ngày 04 tháng 8 năm 2022 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 10 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Lãi suất thả nổi, theo từng lần nhận nợ tại Khế ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.2023/HĐCD/VCB-DNC.HP ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Toyota Land Cruise Prado biển số 15A-565.75 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098695 do Công an TP Hải Phòng cấp ngày 17/01/2020; căn chung cư số 706 thuộc tòa A1, Khu căn hộ rừng cọ, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang tại địa chỉ xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD 448738 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 02/12/2021; Cầm cố/ Thế chấp Sổ tiết kiệm/ tiền gửi của cá nhân là thành viên góp vốn Công ty sở hữu trực tiếp từ 5% vốn điều lệ Công ty trở lên (bằng tiền VND và/hoặc ngoại tệ): quy đổi tối thiểu 10 triệu đồng.
- (iii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT166-DNC ngày 21/04/2023 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 20 tỷ. Thời gian và lãi suất cho vay sẽ được xác định trên Giấy nhận nợ theo từng khoản vay. Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT166-DNC và 02/2023/HĐBĐ/NHCT166-DNC ngày 10/3/2023 cùng các văn bản sửa đổi (nếu có) đính kèm giữa bên vay và bên cho vay.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01-2023/HĐVV ngày 01 tháng 4 năm 2023. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất 7,5%/năm. Lãi vay được trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01-HĐVT ngày 15 tháng 01 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng số 01-2021/PLHĐVV ngày 02 tháng 01 năm 2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01-2022/PLHĐVV ngày 02 tháng 01 năm 2022. Thời hạn vay 1 năm. Lãi suất 5%/năm. Lãi vay được trả vào cuối quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	51.378.500.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	30.879.329.818	83.479.057.012
Lãi trong năm	-	-	-	-	29.194.415.561	29.194.415.561
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.200.718.667)	(1.200.718.667)
Tăng vốn trong năm	12.844.080.000	-	-	-	(12.844.080.000)	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(7.706.775.000)	(7.706.775.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2022	-	-	-	-	(6.422.258.000)	(6.422.258.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(2.304.745.395)	(2.304.745.395)
<b>Số đầu kỳ này</b>	<b>64.222.580.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>713.858.604</b>	<b>557.368.590</b>	<b>29.595.168.317</b>	<b>95.038.975.511</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	13.948.291.501	13.948.291.501
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(1.387.010.235)	(1.387.010.235)
Chia cổ tức đợt 2, năm 2022 (i)	-	-	-	-	(9.633.474.375)	(9.633.474.375)
Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(1.545.119.950)	(1.545.119.950)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>64.222.580.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>713.858.604</b>	<b>557.368.590</b>	<b>30.977.855.258</b>	<b>96.421.662.452</b>

**Ghi chú:**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 4 năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2022 trong kỳ này.

**Cụ thể như sau:**

- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 02 đợt; đợt 1 là 10%/ Vốn tương ứng số tiền 6.422.258.000 VND; đợt 2 là 15%/ Vốn tương ứng số tiền 9.633.387.000 VND.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 5%: 1.387.010.235 VND.
- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

<b>Công ty</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	1.269.879.809
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP	131.024.636
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	53.306.414
<b>Cộng</b>	<b>1.454.210.859</b>

Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp thương mại số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng năm và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

Cổ tức đã trả trong kỳ là 9.633.387.000 VND.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	64.222.580.000	64.222.580.000
<b>Cộng</b>	<b>64.222.580.000</b>	<b>64.222.580.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	64.222.580.000	51.378.500.000
- Vốn góp cuối kỳ	64.222.580.000	51.378.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.633.474.375	7.706.775.000

**d) Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.422.258	6.422.258
- Cổ phiếu phổ thông	6.422.258	6.422.258
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.422.258	6.422.258
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**23. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>336.971.489.023</b>	<b>286.476.141.593</b>
Doanh thu bán điện	328.100.866.974	278.772.216.100
Doanh thu bán nước	7.646.828.061	6.413.466.421
Doanh thu khác	1.223.793.988	1.290.459.072
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>336.971.489.023</b>	<b>286.476.141.593</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	304.344.059.216	257.069.138.380
Giá vốn của dịch vụ bán nước	7.310.297.936	5.852.697.759
Giá vốn của dịch vụ khác	58.062.212	319.326.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	186.092.359
<b>Cộng</b>	<b>311.712.419.364</b>	<b>263.427.254.805</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	173.036.095	986.235.560
<b>Cộng</b>	<b>173.036.095</b>	<b>986.235.560</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	447.504.346	382.703.101
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	(2.129.502.893)	9.096.218
<b>Cộng</b>	<b>(1.681.998.547)</b>	<b>391.799.319</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.027.406.103	5.203.070.338
Chi phí khấu hao TSCĐ	385.897.050	249.919.826
Thuế, phí và lệ phí	306.955.295	411.283.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.895.932	225.363.281
Các khoản chi phí QLDN khác	2.310.783.747	1.656.801.494
<b>Cộng</b>	<b>9.285.938.127</b>	<b>7.746.438.272</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7.307.976.154	7.468.753.669
Chi phí nhân công	15.018.923.955	13.576.700.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.329.708.761	2.772.788.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.806.080.642	3.780.373.857
Chi phí khác bằng tiền	5.563.379.995	5.239.037.089
Chi phí dự phòng	-	186.092.359
<b>Cộng</b>	<b>37.026.069.507</b>	<b>33.023.745.828</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.669.241.146	15.894.234.687
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	781.444.683	404.581.250
<b>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>781.444.683</b>	<b>404.581.250</b>
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	406.000.000	355.500.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	375.444.683	49.081.250
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.450.685.829</b>	<b>16.298.815.937</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.690.137.166</b>	<b>3.259.763.187</b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 781.444.683 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	154.062.397	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>30.812.479</b>	<b>-</b>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.948.291.501	12.634.471.500
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Chia lãi liên danh	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.948.291.501	12.634.471.500
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.422.258	5.137.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.172	2.459
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty có trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh cho cả năm 2022, tuy nhiên, Công ty không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 nên không trình bày lại chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2023, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	14.964.362.767	11.850.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.370.476.808)	(9.621.441.686)
Nợ thuần	4.593.885.959	2.228.558.314
Vốn chủ sở hữu	<u>96.421.662.452</u>	<u>95.038.975.511</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>4,8%</u></b>	<b><u>2,3%</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.370.476.808	9.621.441.686
Phải thu về cho vay	100.000.000	100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.187.690.009	15.035.942.911
Chứng khoán kinh doanh	14.468.078.763	21.205.101.951
Đầu tư tài chính dài hạn	3.797.121.190	3.695.706.467
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>47.923.366.770</u></b>	<b><u>49.658.193.015</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.131.116.547	9.371.270.318
Chi phí phải trả	1.541.268.517	2.729.723.674
Vay và nợ thuê tài chính	14.964.362.767	11.850.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.636.747.831</u></b>	<b><u>23.950.993.992</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa, dịch vụ.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND		VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.370.476.808	-	-	10.370.476.808
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.187.690.009	-	-	19.187.690.009
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	14.468.078.763	-	-	14.468.078.763
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.797.121.190	3.797.121.190
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.126.245.580</b>	<b>-</b>	<b>3.797.121.190</b>	<b>47.923.366.770</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.131.116.547	-	-	9.131.116.547
Chi phí phải trả	1.541.268.517	-	-	1.541.268.517
Vay và nợ thuê tài chính	14.964.362.767	-	-	14.964.362.767
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.636.747.831</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.636.747.831</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>18.489.497.749</b>	<b>-</b>	<b>3.797.121.190</b>	<b>22.286.618.939</b>

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND		VND
<b>Số đầu kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.621.441.686	-	-	9.621.441.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.035.942.911	-	-	15.035.942.911
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	21.205.101.951	-	-	21.205.101.951
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.695.706.467	3.695.706.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.962.486.548</b>	<b>-</b>	<b>3.695.706.467</b>	<b>49.658.193.015</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.371.270.318	-	-	9.371.270.318
Chi phí phải trả	2.729.723.674	-	-	2.729.723.674
Vay và nợ thuê tài chính	11.850.000.000	-	-	11.850.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.950.993.992</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.950.993.992</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>22.011.492.556</b>	<b>-</b>	<b>3.695.706.467</b>	<b>25.707.199.023</b>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

Tại ngày cuối kỳ, Công ty tham gia vào các Hợp đồng liên danh và Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, Quận Kiến An - Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu Đô thị Cự Viên, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng; Tài sản khai thác là hệ thống đường dây và trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, trong đó Công ty góp 60%, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP góp 40%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại "Dự án Sun Premier Village Hạ Long Bay" và "Dự án Sun Plaza Grand World" có hiệu lực đến hết năm 2023. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 65% cho Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long và 35% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HĐLD ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+ 950); Tài sản khai thác là hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 100.000.000 VND, trong đó Công ty góp 50%, Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng góp 50%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nối đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn Phường Đông Hải, Phường Dư Hàng Kênh thuộc Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác như sau: Năm 2019 là 37.500.000 VND, từ năm 2020 là 100.000.000 VND/năm.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) có hiệu lực đến hết năm 2025. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); Hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 50% cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương và 50% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang (Ecopark), Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 50% cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark và 50% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn, giai đoạn I dự kiến 10 năm (từ năm 2021 đến năm 2031). Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các thủ tục để các thủ tục để xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu Tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại Dự án mang lại sẽ được phân chia cho 02 bên với tỷ lệ 50-50.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	1.700.000.000	1.700.000.000

*Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Tiền lương, thưởng</b>	<b>2.392.852.930</b>	<b>2.186.780.827</b>
Đỗ Huy Đạt	553.651.500	511.627.000
Lê Hữu Cảnh	712.477.800	643.172.800
Nguyễn Trung Kiên	118.500.000	99.500.000
Vũ Thị Lương Dung	367.886.800	346.347.204
Tạ Văn Sơn	124.500.000	110.500.000
Nguyễn Văn Thao	416.836.830	385.133.823
Lại Thị Vinh	99.000.000	90.500.000
<b>Cổ tức được nhận từ Công ty</b>	<b>6.537.892.500</b>	<b>3.486.879.000</b>
Đỗ Huy Đạt	2.392.224.000	1.275.853.000
Lê Hữu Cảnh	1.195.264.500	637.475.000
Nguyễn Trung Kiên	2.395.377.000	1.277.535.000
Vũ Thị Lương Dung	320.010.000	170.672.000
Tạ Văn Sơn	44.469.000	23.717.000
Nguyễn Văn Thao	117.240.000	62.528.000
Lại Thị Vinh	73.308.000	39.099.000

**35. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**35. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Kỳ này</b>				-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	328.100.866.974	7.646.828.061	1.223.793.988	336.971.489.023
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>328.100.866.974</b>	<b>7.646.828.061</b>	<b>1.223.793.988</b>	<b>336.971.489.023</b>
Giá vốn bộ phận	304.344.059.216	7.310.297.936	58.062.212	311.712.419.364
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.756.807.758	336.530.125	1.165.731.776	25.259.069.659
	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	278.772.216.100	6.413.466.421	1.290.459.072	286.476.141.593
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>278.772.216.100</b>	<b>6.413.466.421</b>	<b>1.290.459.072</b>	<b>286.476.141.593</b>
Giá vốn bộ phận	257.255.230.739	5.852.697.759	319.326.307	263.427.254.805
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.516.985.361	560.768.662	971.132.765	23.048.886.788

**36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành nghị quyết số 03/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2023: mức tạm ứng 10% trên vốn điều lệ; thời gian chi trả là ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Trần Thị Ngọc Mai  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc